TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-02-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vũ Thị T, nơi cư trú: Thôn 3, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh J, nơi cư trú: 766 Daepo-dong, Sokcho-Si, Gangwon-do, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị T trình bày:

Chị và anh J kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 18 tháng 8 năm 2015, đã ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ngày 23 tháng 9 năm 2015. Sau khi kết hôn, chị Thùy sang Hàn Quốc sống đoàn tụ cùng chồng. Hai người chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thời gian tìm hiểu không lâu nên hai người không hiểu nhau. Hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2016. Gia đình và bạn bè đã khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn và không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh J.

Về con chung: Chị và anh J không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh J hiện đang ở nước ngoài, sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo thời gian mở phiên tòa cho anh J.

Tại phiên tòa: Chị Vũ Thị T có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và các bản tự khai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký về cơ bản đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án. Tòa án xét xử vắng mặt anh J và chị Vũ Thị T là đúng quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tại liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Giữa chị Vũ Thị T và anh J đã sống ly thân từ năm 2016, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T. Con chung, tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét. Chị Thùy phải chịu án phí, và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị T và anh J kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn Hàn Quốc, đã ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ngày 23 tháng 9 năm 2015, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh J hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về kết quả ủy thác tư pháp: Theo địa chỉ mà chị Vũ Thị T cung cấp cũng như địa chỉ mà anh J đã khai khi làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị Vũ Thị T, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan để tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh J. Ngày 21 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp chưa tống đạt văn bản được cho anh J vì không đủ thông tin địa chỉ. Sau đó, Tòa án đã tiến hành đăng tải thông tin vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc, và Ban đối ngoại Đài Tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp từ ngày 20 tháng 11 năm 2019. Tại phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 10 tháng 01 năm 2020, anh J vắng mặt, không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã hoãn phiên tòa, và ấn định ngày mở phiên tòa lần hai vào ngày 10 tháng 02 năm 2020. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh J.

[3] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T khai nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh J do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm và yêu thương lẫn nhau, hai bên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Từ khi chị Vũ Thị T trở về Việt Nam, giữa chị và anh J không giữ liên lạc với nhau, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Anh J và chị Thùy đã sống ly thân từ năm 2016, không chăm sóc giúp đỡ, yêu thương nhau. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T là chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T.

[4] Về con chung và tài sản chung: Theo lời khai của chị Vũ Thị T giữa chị và anh J không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Vũ Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về phí ủy thác tư pháp: Chị Vũ Thị T phải chịu phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Vũ Thị T và anh J được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, Điều 266, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh J.

2. Về nuôi con và chia tài sản: Chị Vũ Thị T trình bày giữa chị và anh J không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0001801 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về phí ủy thác tư pháp: Chị Vũ Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) phí ủy thác tư pháp để tống đạt Văn bản tố tụng của tòa án cho anh J. Chị Vũ Thị T được trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0001885 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ tiền phí ủy thác tư pháp.

Chị Vũ Thị T còn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp để tống đạt bản án cho anh J.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh J được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được

thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh LC;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp